

Trần báo

Giám-đọc: HỒ-VĂN-TRUNG *
BÁO QUÁN. 5 ĐƯỜNG REIMS, SAIGON - ĐIỆN-THOẠI SỐ 21.543



BÌNH
GIANG
QUẬN
CÔNG

VÕ-DI-NGUY

N GÀY 16 tháng giêng theo âm-lịch, năm nay nhâm 9
Février, là ngày đức Thế-tổ Cao-Hoàng-đế (Gia-Long) đại
thắng trận thủy-chiến tại cửa Thi-Nại, hồi năm 1801.
Cuộc đại thắng này được ghi trong sử là « Trung-hưng đệ nhất
võ công » của đức Cao-Hoàng... Mà cuộc đại thắng này cũng
làm mất cửa đức Cao-Hoàng một viên danh tướng, là cụ VÕ-DI-
NGUY, lúc ấy quản suất trung-dinh và hậu-dinh vệ-dinh Thần-
sách, cụ ngồi trước mũi chiến thuyền đốc thủy-quân xông trước
vào cửa công phá thuyền giặc, bị một viên đạn của giặc má
phải vong mạng.

Đại-Việt Tập-chí số 30 ngày 1- Janvier 1944, đã có đăng
tiểu-sử của cụ Võ-di-Nguy rồi. Hôm nay chọn dịp giỗ cụ, chúng
tôi chỉ nhắc sơ tại đây cho các bạn đọc khỏi quên một cô-nhan
đáng nhớ mà thôi.

Cụ Võ-di-Nguy gốc ở huyện Phú-vinh, thuộc Thừa-thiên,
trước phò đức Dục-Tôn (Đinh-vương) quân suất Trung-thủy-thuyền,
sau vào Gia-dịnh phò đức Cao-Hoàng, đến năm 1782 theo chức
Trung-quân Cai-cơ. Từ ấy cụ luôn luôn phụng sự đức Cao-
Hoàng, khi theo qua Vọng-các, khi hộ vệ từ-giá và cung quyền tại
Phủ-quốc. Đến năm 1788, Cao-Hoàng khôi phục Gia-dịnh rồi, cụ
được lệnh đưa từ-giá và cung quyền về Gia-dịnh. Cụ lãnh tù
đạo đại chiến-thuyền và trôi mười mấy năm sau đó cụ cùng với
cụ Nguyễn-vân-Trương quản suất thủy-quân, mỗi lần Cao-
Hoàng đem binh ra đánh đàng ngoài lặn nào cũng có cụ theo trợ
lực, cho đến năm 1801, ngày 16 tháng giêng, cụ tử trận.

Đức Cao-Hoàng thương tiếc, cho đưa thi hài cụ về an táng
tại lăng Phú-nhưân (Gia-dịnh) và truy phong chức Tả-mang công-
thần đặc-tặng Thượng-trụ-quốc, Thiếu-bảo, Quận-công. Đến
năm Minh-mạng thứ 12, cụ được truy tặng Tả-vận công-thần
đặc-tặng Trung-vũ Túc-quân, Thủy-quân đô-thống-phần. Chương
phủ sự. Thái-bảo, Bình-giang Quận-công.

Chúng hiên ngày 16 tháng giêng này, ở Thi-nại công-thần-
miếu, ở Gia-dịnh Hiền-trung-từ, ở Trung-hưng công-thần-miếu,
và ở Thế-miếu, là những nơi có bài vị thờ cụ Võ-di-Nguy, người
ta có cúng tế cụ hay không. Nhưng, tại miếu và mộ cụ ở làng Phú-
nhưân (Gia-dịnh), từ đầu năm này đã sáp nhập về Địa-phương
Sài-gòn-Chợ-lớn, thì chức sắc cũng như dân chúng ấy có lập hội
kêu là « Phú-trung hội » để lập tế tự việc đầu không phải phân
sự, chỉ vì trí lớn hiền hoạt cả hiên cùng tế mà thôi. Năm nay
cúng cúng tế như thường năm, cúng tế tuy êm-đem, song rất
thành kính.

Nhơn dịp này chúng tôi cũng đổi một nén hương để tỏ
lòng kính ái đức Bình-giang Quận-công, là một cô-nhan xứng
đáng của đất nước.

NAM-KY TUẤN-BẢO

MỘT NGÀY DÁNG NHỚ

của TRƯỜNG-SƠN-CHÍ

D Ò là ngày 9 tây tháng giêng tây 1944.
Tại rạp Nguyễn-văn-Hào, hội Nam-
kỳ đức tri thế dục (Samipic) có tổ-
chức một buổi diễn-thuyết đầu tiên
vở cửa để giúp nạn-nhơn bị bom ở Bắc-kỳ. Hai
diễn-giả là giáo sư Phạm-Thiếu và y-sĩ Đông-
Pháp Ngô-quang-Lý.

Vừa hơn 9 giờ, trời nắng trong tốt, công chúng
tề tựu đông đủ, náo-nhiệt không thua ở một
buổi hát thịnh diên. Sau khi Ủy-ban âm-nhạc
của hội trời lên vai bản âm-ai trầm hùng, ông
Nguyễn-văn-Liên, chủ-tịch ủy-ban văn-học
Phan-thanh-Giản, bước lên diễn-đàn vẫn tất
giới-thiệu hai đồ-đệ của Demosthène. Một tràng
pháo tay vang động vừa đưa ông xuống lại đẩy
ông Phạm-Thiếu lên. Thì ra là một người thính-
giả đã quen lâu!

Đầu đề của ông là « Hào-khi Đông-Nai ».
Chúng ta có thể nói đó là một lời hiệu triệu
lòng từ ái của dân chúng Nam-kỳ. Thoạt tiên,
ông bày tỏ vì sao, đã hai năm nay, ông tam-
biệt địa-hạt quốc-văn mà đi về con đường
quốc-sử. Ông bảo con đường ấy chẳng phải là
con đường vô-hình, mà nó là « con đường quan,
con đường sử, tương-tượng sức mạnh tiến của
con cháu Lạc-Hồng ». Ông lại khiêm-tôn thêm
rằng con đường ấy rộng rãi quá, diệu vĩ quá,
ông đi không nổi hết, cho nên ông chỉ đi có
một đoạn nằm trên xứ Đông-Nai thôi. Trong
khí đi « hồi viên đá cũ, gổ bực thành xưa, ông
cốt tìm một bài học để cung hiến đồng bào. Bài
học ấy là cái lòng rộng rãi, hào hiệp của người
Đông-Nai buổi trước, thấy nghĩa thì dám làm,
ra ơn không cần báo. Ông cứ ra hai gương xưa
như ông Phan-văn-Nghieu ở Tân-An, tục gọi
là ông Hồng đã đem hết gia-tài sư-sản giúp chúa
Nguyễn-Anh phục quốc mà không màng quản
tước. Bên cạnh vị hào hiệp ấy còn có cụ Hồ
Thông, một bạn chí thân của cụ Phan-thanh-
Giản. Cụ Thông trí-đào là mở-mang cho có một
châu-vi, tạo ra một sáng kiến, làm cho « Khi
ở thì dân mền-phục, khi đi thì dân nể-vén
lưu ». Rồi giáo-sư kết luận : « Hào-khi Đông-
Nai lan khắp bình dân và trí thức, nó tiềm-
tàng dưới đáy lòng, chỉ chờ dịp thuận-tiên mà
biểu-tỏ ».

Với một lời văn lưu loát, một giọng nói có
đủ giọng to, nhỏ, to như mấy lần ông nhắc
lại bốn chữ Hào-khi Đông-Nai làm mọi người
nở lòng, nhỏ như lúc tả thảm trạng của một

thành-phố bị dội bom, làm mọi người đều se dạ,
ông chinh-phục cử-tọa một cách hoàn-toàn!

Người thì nhủ mảy cổ giữ tiếng khóc, người
thì kín đáo đưa khăn tay lên mắt khi được
diễn-giả hé-cho thấy cái bức tranh bị đất do
những phi-co từ đầu bay lại tỏ bằng một màu
hắc ám, thế lương. Cảnh kẻ đi người ở, kẻ mất
người còn, nhà cửa lâu đài đổ nát có đủ nét trên
một bức tranh diên-tàn do giáo-sư phác họa.

Ồ! phải chăng là thuở của Ma vương?
« Kẻ thác yên phận đã đành, nhưng tiết trời
đông, cơn gió bắc, những người bơ vơ sống, nơi
đâu nương nào tâm thần ?

« Cho đi! Cho đi! Ai tòa ngang đây đọc thi
cho nhiều, ai buồn gánh bán hung thi cho ít.
Dầu nhiều dầu ít, tiền chân-tế ấy chung một ý
nghĩa, nghĩa trọng thân, trọng-ái, đồng hữu
đồng thích giữa ba kỳ ».

Nói xong, giáo sư cảm thước chỉ trên bức địa
đồ, ẩn hiện sau làn khói trầm quyền tỏa : « Nay,
chúng ta hãy xem giải đất hình rồng vàng kia,
nó chỉ là một thân-thê. Mỗi hồ rặng lạnh,
máu chảy ruột-mềm, một bộ phận bị thương,
bộ phận khác tài nào không đau xót ». Có lẽ vì
cảm-dộng quá, diễn-giả nói chậm rãi, mà mỗi
tiếng mỗi lời đi thấu tận lòng của cử-tọa. Và,
khi ông dứt lời, một tràng pháo tay đều, không
có vẻ ồ-à, hoan-hỷ như trong những buổi hát,
tưởng lễ diễn-giả. Tráng pháo tay ấy dường như
thấy mặt cử-tọa mà nổi-rang : « Hồi giáo-sư!
chúng tôi xin cảm ơn ông làm cho chúng tôi
biết đau đớn cái khổ khổ của đồng bào ».

Quả lời hiệu triệu của ông Phạm-Thiếu không
nói giữa sa-mạc. Liên sau khi ông xuống diễn-
đàn, những thiếu phụ — trong ấy có cả nữ-sĩ
và nữ giáo-sư — mang giỏ hoa đi quyền-tiền,
kể ít người nhiều bỏ ra vừa giúp với một sự
vui tươi. Độ mười lăm phút sau, một kết quả
đẹp đẽ (671 \$ 85) chứng tỏ sự thật của lời
ông Phạm-Thiếu : Hào-khi Đông-Nai 771 \$ 85 :
năm xu lẻ kia, thoạt nghe đến, tất có người mỉm
cười, nhưng hiểu ra thì chúng ta sẽ cảm động đến
thế nào vì chính cái số tiền nhỏ mọn ấy là của
một thiếu sinh ở thương-tình của rạp hát, một
chủ mà chúng ta gọi năm nà là « chưởng-gà »
(Le-poulailler).

Đối với một thiếu sinh, bỏ một buổi chầu
như đã là nhiều; bỏ ra hai cái để mua giấy

ở cửa nghe diên-thuyết lại càng nhiều hơn, đến quyền thêm năm xu để mong giúp đỡ kẻ đương đau khổ, thì tấm lòng ấy chẳng đáng cho ta ca ngợi hay sao? Có cần gì tiền muôn bạc vạn mới có thể có một tấm lòng vàng?

Cuộc quyền tiền xong, Y-sĩ Ngô-quang-Lý chăm rải bước lên diên đàn và cũng được hoan-nghinh như người trước. Ông nói về « *Cái cười của Tú-Xương* ».

Y-sĩ bảo rằng cái cười của nhà thơ trào-phúng bức nhứt của nước ta đó chỉ là cái cười gẩn, cái cười của người cố giữ lấy lẽ của tờ giấy rách, của người khư khư « ói bức tường đồ nát của cái lầu đài thiên-cổ mà ông cha để lại ». Vì ông Tú-Xương là một người có khí phách trong đám nho tàn, tức nhiên rất xót xa trước cảnh đời xiêu đổ, cho nên suốt đời của thi-sĩ, người đem một ngọn bút tài tình mà mai mỉa cuộc đời, mà cười nó, cười ra nước mắt. Cái cười ấy, thâm thúy có kém gì của Molière đâu?

Với những người đã lên án ông Tú-Xương, bảo rằng vì cái mộng thị đấu làm quan bị tan vỡ nên ông mới nuôi một tâm hồn phóng dãng ngang tàn, ông Ngô-quang-Lý biện-hộ cho nhà thi-bá rằng sở dĩ Tú-Xương « lẩn lóc chốn trường thi là chỉ muốn duy trì lấy nền học cũ, lấy nề nếp nho phong. Và, vốn còn ở trong thế hệ cũ, ông vẫn mong chiếm danh vọng chốn khoa trường để đáp lại ơn cức dục sanh-thành của phụ mẫu ».

Rồi ông kết-luận: « Tâm-hồn của Tú-Xương, tâm-hồn nặng trĩu vì hai chữ nước và nhà. Cũng trong đám nho tàn ấy là người duy nhất đã lấy cái văn-chương trào-phúng để kiêu-ngạo nói đời, để che lòng phẫn-úất. Nhà đem những cái cười chưa xót để hiến cho đời, ông chỉ có một ước-nghuyện, ta đã là người thì ta phải làm sao cho ra người với tất cả ý nghĩa của nó ». Kể diên-giã ngâm lên bốn câu thơ này của nhà thi-bá:

*Bất-chước ai tà-chức-mấy-lời,
Giữ cho khắp hết cả trên đời,
Vua, quan, sĩ, thi, người muốn nước,
Sao được cho ra cái giống người!*

Thêm vào tài biện-hộ của y-sĩ, y-sĩ còn có một cái tài nữa là cái tài ngâm. Ông ngâm rất hay và nói theo điệu của con phạ đờn ca, ông ngâm rất mượt, làm cho thính giả mê-mẩn. Mà suốt trong bài diên-văn, thính-thoảng ông lại ngâm lên như thế, khiến người ngồi nghe thêm muôn phần hứng thú.

Có mấy câu thơ của Tú-Xương do diên-giã dẫn ra làm cho cử-tọa cười há-hê, chẳng bù lại với việc ông Phạm-Thiều làm cho người ta khóc!

Người tán-dương cái tài-ba của nhà thi-sĩ Vi-Xuyên cũng nhiều (trong ấy có y-sĩ Ngô-quang-Lý), mà kể lên án cũng không ít. Riêng chúng tôi, những kẻ đốt thơ, chúng tôi chỉ biết rằng đầu Tú-Xương gì là gì cũng được, chiếm một địa vị đặc biệt trong làng thơ Việt-Nam ở đầu thế kỷ XIX.

Số tiền quyền được vừa rồi tuy to tác thật, nhưng nếu đem phân phát ra cho hàng người bị nạn bom đói rách, thì có là bao. Thế nên người tổ chức làm tận lực mình để kiếm tiền thêm, giúp đồng bào ở Bắc. Đó đó, một cuộc bán đấu giá bức ảnh nhà của Tú-Xương và hai bài diên-văn tiếp ngay sau lời của ông Ngô-quang-Lý. Một bức ảnh rất giản-dị đưa ra đấu giá một xu, vượt từ giá một đồng, năm đồng, mười đồng... rồi đến một trăm lẻ một đồng (101\$00). Nó về một tay nhà viết báo rất quen biết của Sài-thành là bạn ông Công-Minh. Nhưng giá tiền một trăm lẻ một đồng một tấm hình chưa phải là một chuyện phi-thường. Chuyện phi-thường mới là cái số tiền một ngàn ba trăm đồng (1.300\$00) kia, giá tiền hai bản-cảo của hai diên-giã. Nhà hảo-tâm đấu giá được là ông Trương-văn-Huyền, một nhà trồng tỉa. Có lẽ đó là một việc phi-thường xảy ra trước nhứt ở trên giải đất Việt này, chúng tôi chỉ muốn nói đất Việt-Nam của chúng ta thôi. Trong cuộc đấu giá tung búng, cứ mỗi lần có một người nào đấu lên một số tiền thì một tràng pháo tay nổi lên nhiệt-liệt hoan-nghinh. Ai nấy đều vui mừng vì tất cả đều in trí: thêm được một số tiền bao nhiêu thì nạn hơn đó khổ bấy nhiêu. Cái không khí bấy giờ trong rạp Nguyễn-văn-Hảo tỏa ra một thứ tình hữu ái. Trong cái đau khổ chung, người ta thấy thương yêu nhau và quên những hội chia rẽ vô lý từ trước.

Chẳng là đến lúc chúng ta nên hiệp nhứt thành một khối khấn-khất và mạnh mẽ hay sao? Hỏi những bạn còn phẫn-vân, xin hãy lật qua những trang sử cũ. Tổ tiên ta đã nát thây là cốt tạo cho chúng ta ngày nay một đời sống vui tươi hiệp nhứt. Nếu bấy lâu, vì tư lợi hay vì một lẽ gì khác mà chúng ta đã sống xa cách mà không để ý những bức thức giả thường kêu gọi lòng yêu mến nhau, ít ra chúng ta cũng nên để lòng tưởng nhớ đến người xưa mà nắm tay nhau đi tới!

Tóm tắt buổi diên-thuyết ngày hôm ấy minh chứng được hai điều:

1° người trong nước biết đau đớn cái khổ sở của đồng bào;

2° cái tri-vệ hiệp-nhứt của người trong nước chỉ muốn biết có người Việt-Nam chớ không có người Trung-Nam-Bắc đã bị cương-ực chánh trị phân chia.

Chỉ hai điều đó cũng qui hóa làm rồi. Chúng ta chớ quá tham lam mà đòi gì hơn nữa.

Ngày 9 tây tháng giêng tây 1944! Thật là một ngày đáng nhớ trong những ngày đáng nhớ nhứt trên đường cái-tạo tinh-thần của nước ta gần đây. Ngày ấy tổ được mối tình liên-ái người nước giữa ba kỳ.

TRƯƠNG-SƠN-CHÍ

NHIỮNG NĂM THÂN

Của BUI-NAM-TU

NHỮNG năm Thân trong lịch sử Việt-Nam ghi lại những chuyện gì đáng nhớ? Tôi có thể gọi là một năm kỳ đặc nhứt. Có những năm Thân chúng ta bị thất bại ở chỗ, cũng có những năm Thân chúng ta thấy những giờ vô cùng mạnh mẽ, những buổi về vang rõ rệt. Có lẽ năm Thân được gọi là cái năm thất bại hoàn toàn thất bại, còn về vang thì cũng rất mực về vang.

181 trước Tây-lịch (Canh Thân): Hán triều năm ấy lại cất binh sang đánh Nam-Việt. Thủy thổ khốc liệt của trời Nam, làm quân Hán phải chịu nhiều binh tật cổ lui chạy về phía Bắc. Thanh-tế Triệu-Vô-Vương, lừng lẫy từ ngày ấy. Từ đó, đi đâu vua Triệu cũng theo nghi về hoàng-đế như vua nhà Hán vậy.

861 sau Tây lịch (Giáp Thân): Vua nhà Đường say tướng Cao-Biên sang đánh Nam-Chiếu ở Giao-Châu, Nhưng cuộc cử binh sang năm sau mới thành.

972 (Nhâm-Thân): Vua Đinh-tiên-Hoàng sai Nam-Việt-Vương là Liễn đem đồ qui bái cống sứ nhà Tống bên Tàu. Đáp lại, vua Tống sai sứ phong Đinh-tiên-Hoàng làm Giao-chỉ quân-vương. Nam-Việt-Vương Liễn được phong làm Tĩnh-hải-quân Tiết-độ-sứ An-nam đô hộ. Lê công nước Tàu bắt đầu từ đó. Trong Triều, vua Đinh cũng lo chỉnh đốn hoàn ọi, lập những hình luật để phạt những người gian ác; nào hình vạc dầu, hình hồ xé. Ngoài ra Đinh-tiên-Hoàng còn lo chỉnh đốn binh bị, lập những đạo, quân, lữ, tốt, ngũ. Cũng trong năm này, hoàng triều lại chứng kiến cuộc giết hại lẫn nhau giữa Nam-Việt-Vương Liễn với Hanh-Lang Thái-tử-Duyên do là sự thù ghét của Liễn vì Liễn không được lập làm Thái-tử.

1044 (Giáp-Thân): Chiêm-thành bị đánh phía nam sông Ngũ-bồ. Quân Nam bắt được gần 5.000 người và 30 voi. Quốc-vương Xa-Hầu vị tướng Chiêm-thành là Quách-gia-Gi

chém đầu dâng hàng. Thủ-đô Phạt-lệ bị binh Nam vây xéo. Vương phi Mị-Ê và các cung nữ bị bắt, nhưng đến sông Lý-nhân, Mị-Ê từ tiết.

1104 (Giáp-Thân): Lý-thường-Kiệt được lệnh đánh Chiêm-thành. Chế-ma Na quốc-vương đầu hàng, xin trả lại ba châu cũ.

1164 (Giáp-Thân): Lý-anh-Tồn được vua Tàu phong An-nam quốc-vương. Từ lúc này nước ta theo tục Tàu lấy tên An-nam.

1224 (Giáp-Thân): Vào tháng mười, Lý-huệ-Tồn truyền ngôi cho Chiêu-Thánh công chúa, rồi vào chùa Chơn-giáo tu.

1214 (Mậu-Thân): Trần-thái-Tông sai quan đắp đê dọc theo sông-hà gọi là Đĩnh-nhi-Đê. Cũng có mở ngạch Hà-đê chánh phủ sứ hai viên coi việc canh đê.

1272 (Nhâm-Thân): Chúng ta có quốc sử, do Lê-văn-Hưu làm xong, gọi Đại-việt-Sử, 30 cuốn. Bộ sử này làm từ đời Trần-thái-Tôn.

1284 (Giáp-Thân): Tháng tám Trần-quốc-Tuấn truyền hội các quân sĩ tại Đông-hồ đầu để kiểm duyệt chống với Mông-Cổ. Quân Thất Hoan-trần binh sang trong lúc Trần-binh-Tông đóng ở sông Bình-than, Trần-khánh-Dư ở Vạn-Hồn, còn Trần-quốc-Tuấn ở Vạn-kiếp để tiếp lực Toa-Đô và Thoát-Hoan từ Chiêm đi lên, gặp quân Trần-quốc-Tuấn. Thừa cơ, 20 vạn quân của Hưng-đạo-Vương dồn về Vạn-kiếp. Thành Thăng-Long thất thủ, vua dời đô về Thanh-hóa. Chỉ năm sau mới thấy ngày về vang ở trận đầu là Hàm-tử-quan do Trần-quang-Khải cầm binh.

1308 (Mậu-Thân): Thượng-hoàng Trần-nhân-lớn băng tại chùa Yên-tử-sơn.

1320 (Canh-Thân): Thái-thượng-Hoàng Trần-anh-Tồn băng tại phủ Thiên-trường.

1368 (Mậu-Thân) : Thái-tổ nhà Minh bèn Tâu sai sứ sang hiến dụ. Trần-dụ-Tôn sai Lê-bộ Thị-Lang sang cống sứ.

1380 (Canh-Thân) : Nghệ-an, Thanh-hoà lại bị quân Chiêm quấy nhiễu. Lê-quý-Lý lãnh thủy binh, Đổ-tr-Bình lãnh bộ binh ngăn giặc.

1404 (Giáp-Thân) : Vua nhà Minh hay tin Hồ-quý-Lý mong chiếm ngôi. Ngự-sứ Lý-Y sang xét, về tâu lại chuyện có thiệt.

1428 (Mậu-Thân) : Trần-Cao chết. Bình-định-Vương Lê-Lợi lên ngôi, lấy tên nhà Lê, đổi quốc hiệu là Đại-Việt. Muốn cầu thân với vua Tàu, vua Lê phải cống sứ hai người vàng.

1548 (Mậu-Thân) : Trang-Tôn mất, Trịnh-Kiểm đem Thái tử Duy-Huyền làm vua, được 8 năm thì mất, tức Trung-Tôn.

1596 (Bính-Thân) : Tháng 3 năm này, vua Lê-thế-Tôn sai Đổ-Uông và Nguyễn-văn-Gia lên Nam-quan tiếp quan Tàu. Lại sai Lê-Cách, Lê-Lựu và Phùng-khắc-Khoan đem 10 kỹ mục, 100 cân vàng, 1000 cân bạc, và ấn nhà Mạc và nhà Lê lúc trước cho quan nhà Minh khám xét. — Cùng một năm, Trịnh-tùng-sai Phan-Ngạn đánh bắt được Kinh-Chương. — Miền nam, Nguyễn-Hoàng tiếp giáo sĩ Tây-ban-nha và ra lệnh cấm tàu Âu-tây.

1572 (Nhâm-Thân) : Trịnh-Kiểm mất, Trịnh-Cối, Trịnh-Tùng đánh nhau.

1656 (Bính-Thân) : Quân Nguyễn đánh đồn Tiếp-Vũ. Thân-văn-Quang bỏ chạy. Nguyễn-hữu-Tiến đóng sông Tam-Chế. Nguyễn-hữu-Dật đánh ở Hồng-lĩnh, đánh thắng quân Trịnh.

1776 (Bính-Thân) : Tháng 3, sau khi thắng thành Đổ-Bàn, Nguyễn-Nhạc tự xưng là Tây-son-Vương. — Họ Trịnh lấy được Thuận Hoá, mở lò đúc tiền ở Phú-Xuân : tiền Cảnh-hưng được ba vạn.

1740 : (Canh-Thân) : Trịnh-Doanh lập Võ miếu thờ Vũ-thành-Vương Khương-thái-Công. Tôn-vô-Tử, Quân-Tử v... v... Đại tướng Võ-tả-Lý bắt sống ở An-lạc hai tên Tế và Bồng làm loạn ở Sơn-Tây. Lê-duy-Mật chiêu tập binh sĩ ở Thanh-hoà để chống Trịnh, bị thua lui về núi Trinh-Quang. Miếu nam Võ Vương Nguyễn-Phúc-Khoát định lại phép thi.

1752 (Nhâm-Thân) : Số vàng trong kho chúa Nguyễn lên tới 5.768 lượng, số giáp-ngân lên 9.978 lượng, số dụng-ngân lên 14.276 lượng, số kê-ngân lên 21.150 đồng.

1788 (Mậu-Thân) : Bắc-binh-Vương lên ngôi Hoàng-đế, đặt niên hiệu là Quang-Trung. Sau mười ngày đi ghé Nghệ An rồi kén thêm binh sĩ. Số quân đến 10 vạn kèm theo 100 con voi. Ngày 20 tháng chạp, đại quân đến núi Tam-diệp. Ngô-văn-Sở, Ngô-thi-Nhiệm ra tạ lỗi. Quân Tây-Son sẵn sàng để năm sau đem phần về vàng cho triều Tây-Son. Trong năm ấy, ở miền nam, bọn Võ-văn-Lượng, Nguyễn-văn-Hiếu, Mặc-văn-Tô, Trần-văn-Tin đến bái kiến Nguyễn Vương tức Gia-Long vậy.

1800 (Canh-Thân) : Tháng giêng, quân Trần-quang-Diệu và Võ-văn-Dũng vây chặt thành Qui-Nhon, Võ-Tánh thủ thành. Quang-Diệu xây lũy vây toành Qui-Nhon, còn Võ-văn-Dũng đem hai chiếc tàu lớn và hơn 100 chiến thuyền ra đóng giữ cửa Thi-Nại để chờ quân Nguyễn.

824 (Giáp-Thân) : Cuối năm, ông Vannier từ chức, đáp tàu Giadinh về Pháp quốc.

1836 (Bính-Thân) : vua Thánh-Tổ đặt ra Tôn-nhân-Phủ và đặt quan chức coi mọi việc ở trong họ nhà vua. Vua Minh-Mạng lập lại những lệ thờ thần và lễ tang tế. Ruợng nương được cả thảy 630.075 mẫu.

(Coi tiếp trang 14)

Sté des SUCRERIES & RAFFINERIES

de L'INDOCHINE

Sucre cristallisé supérieur

Sucre en morceaux

Sirop pur suere

Mélasse pour distillerie

BUREAU à SAIGON

11, Place-Rigault, de Genouilly, 11

Direction générale à HIỆP-HÒA

CHOLON

Khảo - cứu và

phóng-sự về

giống Mọi ở

Đồng-nai-Thượng

MỌI "XÀ-NIÊN"

THƯA các ngài, xin phép nói với các ngài rằng : là con nhà « học trò », dài lưng tốn vải, cho nên sức khoẻ thì cũng như phần đông các con nhà « học trò » khác, nghĩa là không lấy gì làm vô địch, nhưng kể về can trường, đứng trước những cảnh trạng rùng rợn, giữa với cái chết, thì tôi dám tự phụ rằng không nao núng...

Tập được cái tính này, tôi cũng nhờ có tên ở trung thành của tôi vậy. Nó tên là Kriêu, năm nay vừa thì đúng 25 tuổi. Không biết nó thuộc giống mọi nào, hỏi nó có phải là bọn « Tả-La » nó cũng từ, hỏi nó là bọn « Đê » (Rhadé) nó cũng từ, mà hỏi nó là bọn Giăng màn hay Kông-Cạ nó cũng từ ! Nó có cái tính hay cười vui vẻ và vô tư tự như một đứa con nít lên năm. Ai nói nó là mọi nó ghét lắm và rân mà ấu ở như người Nam, vì vậy mà đối với người lạ không ai biết nó là Mọi đâu : Nó ăn mặc như người Nam, nói năng lễ phép và bất thiệp như người Nam, lanh lợi và can thận, nhất là sạch sẽ lắm. Nó nói tiếng Pháp cũng dòn dả như những người đời ở với Tây, vì vậy mà tôi mến nó vô cùng.

Nó mới vừa chết cách mấy tháng nay vì một tai nạn xe hơi ở Dran, làm cho tôi thương tiếc và buồn bã rất lâu y như chính là người thân của tôi vậy. Nếu nó còn sống, tôi sẽ kiếm vợ người Nam cho nó, gây dựng nó thành ra « Nam hóa » để còn có ích về sau, vì với tấm lòng trung thành của nó, tôi tin rằng chẳng bao giờ nó bỏ được tôi.

Thật tội ít khi thấy có người gan góc như nó, y như chẳng bao giờ thêm sợ cái chết, một mình nó mà nó dám cầm chày rượt cạp, một đêm không biết mấy lần, năm đó... cạp đi loạn xuống xóm làng bắt heo, chó. Cạp vào nhà, hề thấy dạng Kriêu ra là cong đuôi mà chạy không dám ngó. Vì vậy mà nhà tôi ít bị cạp heo những nhiều, thú vật rất ít mất.

Viết bài này, anh cũng là để nhớ tưởng đến nó vậy.

... Một buổi sáng, cơm nước xong rồi, tôi đang ngồi xem nhật triệch thì Kriêu đến lau bàn ghế, cà-rà mãi bên tôi. Tính thẳng này hề có chuyện gì lạ mà muốn nói với tôi thì làm như vậy đó. Tôi ngẩn lên hỏi liền :

— Cái gì đó Kriêu ?

Ngập ngừng mãi nó mới đáp :

— Thưa thầy, con nghe một chuyện « nọ » lắm !

— Cái gì mà ngộ hồ Kriêu ?

— Thầy có thấy mọi « Xà niên » chưa ?

— Ở, tao cũng thường nghe nhưng mà chưa thấy tận mắt. Kriêu mỉm mỉm cái miệng, gật gật cái đầu quần riết của nó mà nói :

— Tôi sợ thầy nhất lắm, thấy nó mà chạy thì nguy, chớ muốn xem cũng dễ !

— Thầy nói đùa ! Ai mà thèm chạy với « đồ mọi ». Gặp nó rồi mày coi tao có « gan » bằng mày không ? Mày chỉ tưởng rằng mày rượt được cạp là mấy gan rồi sao ? Tao còn gan xấp mấy mày nữa đã ! Mà đứa nào là Mọi « Xà niên » đó ?

— Thưa thầy, cái thằng Bruđi, nhà nó ở gần rừng bên suối Đạ-oay đó mà. Nó đó, nó là mọi « Xà niên » đó. Thầy thấy không, cả đời nó, nó mua cái gì để mà ăn đầu. Vậy mà nó sống được hoài đó.

— Chờ nó ăn gì mà sống được vậy ?

— Hừ, cứ tối nó hoá ra « Xà niên » đi bắt mấy con gà, con vịt, con nai, con hươu về ăn sống, không cần ăn cơm...

— « Xà niên » nó ra sao hở Kriêu ?

— Nó giống như con cạp, nhưng mà đi đứng, tay chân giống như con khỉ vậy ! Thầy có ghé không ?

Tôi lắc đầu, cười... và nó cũng cười.

Rồi nó men lại bên tôi, thò miệng vào tai tôi nói cái mưu kế mà nó sắp thiết hành để cho tôi xem được mọi « Xà niên ». Tôi hỏi y

gật đầu, nhưng trong lòng không khỏi không lo ngại...

Chiều hôm ấy có trăng, nhưng mưa dầm dãi. Tôi cùng Kriêu, thầy trò tay hèo tay gậy kẹp nách đến quán rượu chơi. Chủ quán thấy tôi vào, cung kính chào mời, kêu đưa ở mức nước cho tôi rửa chân rồi tự tay đi hâm rượu nóng cho tôi uống. Kriêu thì đi nướng mực khô làm đồ nhắm.

Lòng đã sẵn một mục đích, tôi hỏi qua loa chủ quán về cách buôn bán và gia đình rồi một mình nhấp từ g hớp rượu tụy cay, nhưng ngoài kia mưa cứ đều đều muôn giọt, bữa rượu hôm ấy đối với tôi có một hương vị lạ lùng...

Năm bảy hàng người ở trong cái quán hẻo lánh này. Quanh bàn tròn, vài tay «anh chị» nói chuyện thiên về đâm chém, cướp bóc, làm lấp cả cái giọng xăm-xi của các «tay chơi» đang bàn bạc về chẵn, lẻ, rền, khuôn...

Một con mồi gái, lẳng lơ chước rượu và nếu rồi lại véo von hát một bài hát cổ điển... Trời tối dần bên ngoài, mưa đã dịu.

Thốt nhiên, Kriêu đi lại bên tôi, ngó ra ngoài cửa, lấy mắt một cái. Tôi vô chằm thuốc hút. Khói thuốc nư say lúc này làm cho tôi thành ra bí mật hơn là mơ màng.

Một tên mọi bước vào. Đầu nó quấn khăn đỏ, mặc áo đỏ, quần đỏ, cổ mang một vòng răng gấu, ngậm một cái đầu đồng dái thượt, lưng giắt một cái dao «Má lai» sắc lẹm. Thoạt thấy nó, chủ quán bên lùi vào trong, còn nói với lại với tôi:

— Thưa thầy, nó «Xà niên»!

Tôi gật đầu mỉm cười, ra dáng bình tĩnh...

Tên mọi nhìn căn quán một cách tò mò rồi xê lại bên tôi, nhe răng trắng nõn mà nhọn như đinh ra cười khi khi.

— Con xin thầy ly rượu. Ở Dzàng, rượu ngon quá!

Tôi rùng vai, hắt rượu cạn xuống đất rồi đặt cốc xuống bàn đánh đốp, giả vờ nói:

— Mày làm cái gì mà xin rượu tao? Mày

bắn như ma. Đi lại đằng kia uống với mấy thằng «Chao» của mày.

Hai con mắt nó đỏ gay lên, lòng mày xênh ngược, vênh vang đáp:

— Thầy khi người «Chao» lắm. Thầy có giỏi không? Ở mãi trên đất rừng này mà khi người ta luôn luôn ghé!

— Mày làm sao cho tao sợ được mày, thì tao mới sợ cái bọn «Chao» của mày. Tao không giỏi mà bọn «Chao» nó coi tao như «ông đồn» à? Mày chỉ nói dộc cái lỗ miệng. Đi đi, mày đừng đờ thêm «gai mắt» tao, tao sai thằng ở của tao nó liệng cổ mày ra ngoài sân bây giờ.

Hai con mắt nó càng đỏ gay lên, lòng mày càng xênh ngược lên, làm cho ai nấy đều hồi hộp cho tôi, nhưng nghĩ thế nào, nó lại thò phào một cái rồi lùi thối đi ra...

Mưa bay lầy phầy, gió thổi vào mảnh tre phân phật. Kriêu nháy tôi, trả tiền rượu rồi bắt tay chủ quán ra về. Chủ quán đỡ tay tôi và nói nhỏ:

— Thầy coi chừng...!

THAI-HỮU-THÀNH (Còn tiếp).

GIẢ BẢO

Kể từ ngày 1^{er} Janvier 1944

N. K. T. B.

Mỗi số	0 \$ 30
3 tháng	4 00
6 tháng	8 00
1 năm	15 00
Công-sở một năm	24 00

D. V. T. C.

Mỗi số	0 \$ 40
Ba tháng	2 50
6 tháng	5 00
1 năm	9 00
N. K. T. B. và D. V. T. C. (mua chung) Một năm	22 \$ 00

SAU MẤY HÀNG DỪA⁽¹⁾

CÔ LIÊU-CHI

SÁNG nay trời trong suốt không gợn một áng mây.

Trời đẹp, lòng người cũng vui, và trụ tung bưng một nguồn sống mới-mẻ, rào-rạt... Chim muông cùng nhau hoà một bản nhạc thiên nhiên không du-dương dẻo-dắt nhưng dễ cảm người hơn...

Làn sương dày đặc trên cánh đồng xanh rì, xa tít, đã cùng với ánh mặt trời lên cao lẫn... nhẹ bay vào không trung.

Hương lúa thơm ngát nhẹ đưa vào lòng người những hi-vọng về đời sống, về tương-lai...

Những thôn-nữ, gánh kiu-kít trên vai, bước lảnh thoăn-thoắt... Những tâm-hồn giản-dị ấy ước mong điều gì? Phải chăng là một buổi chợ đặc hàng? Và cũng những tâm-hồn ấy lo sợ về chuyện gì? Phải chăng những đứa bé còn chưa đặng bú? Và những bà mẹ già «tựa cửa trông con»? Họ giản-dị quá, họ hồn nhiên quá, họ chất-phác quá! Cái vui về thành-dam của họ không nhờ gì khác hơn là một bữa ăn đủ cơm và nóng sốt, mạnh áo lạnh, căn nhà ấm và nụ cười vui vẻ của đứa con thơ! Cái mức hạnh-phúc tối cao của họ là được sống yên thân, để đến chiều ba mươi Tết trong nhà có chút thịt kho, dưa giá, vài trái dưa hấu và chiếc áo xanh đỏ cho con.

Những hạnh-phúc tâm-thường, những ước-mong giản-dị như thế mà không bao giờ họ có được. Suốt năm «đầu tắc mặt tối», «quần đầu gối áo mỏng trơn», mà đi lại chiều ba mươi Tết họ vẫn phải rí-rít vì nợ!

Thần-thơ, tôi nhìn họ đi khuất mới trở vào.

— Tưng ơi! ra biểu.

— Anh Khanh về! có cá không anh?

— Có nè! Em làm đi, để anh đi câu nữa.

Tôi đi xem ruộng chơi, đến gần nhà bà thợ cối, đứng dòm vào và nghe thấy những lời trên kia.

Ông thợ cối đã đau chết trong nhà thương. Ông bà sanh mấy lần đầu đều «bỏ» cả, chỉ nuôi được con Năm, chị Sáu, thằng Thái, thằng Khanh và con Tưng. (2). Cả một gia đình nghèo khổ ấy ở trong đất bả ngoài tôi nên thường thường tôi hay xuống hỏi thăm và giúp đỡ chút ít.

Khanh đã tám tuổi, nhưng dẹt nên vóc vạc chỉ bằng con Tưng thôi mặc dầu Tưng kém nó hai tuổi. Nó cầm giốc ngược cái gáo xuống đất, xóc mãi mà không ra con cá nào; tức mình nó cầm gáo lên coi và trút nữa. Trông gáo rơi ra độ năm sáu con cá bóng dứa chừng bằng tay cái, chơn cái. Con Tưng mừng rỡ, xách dao ra, trình-trọng ngồi xuống làm cá.

— Thại về chưa?

— Chưa.

Khanh xách cần đi ra.

Con Tưng đánh vảy cá bà trệt hồn vuột, chặt đuôi chặt đầu, rửa sơ-sia đem bỏ trong tô, đổ vào một chút nước mắm và tui-cui nhúm lửa.

Tôi bước vào hỏi:

— A! chị Be! Em kho cá.

— Bà hai không có ở nhà sao em?

— Má em đi cấy.

— Chị Năm đâu?

— Cũng đi cấy.

Tôi không hỏi nữa, lại vắng người.

Nhúm lửa xong, Tưng bắt tô lên kho. Độ năm phút, nó nhất xuống, đem để trên vung. Tôi nhìn vào tô: mấy con cá còn trắng chơ trắng chợt, trương kỳ trương vì ra, nổi lều-bều trong tô nước mắm đen ngòm...

Nhìn Tưng, nhìn tô cá, tôi thấy lòng se lại vì thương hại: nghèo-khổ đói-khát vẫn không đã để làm mất những vẻ đáng yêu của em. Đôi mắt đen lầy-lầy, cái miệng tươi tắn, sống mũi dọc dừa, ngấn ấy như ở trên khuôn mặt tròn trịa, phính-phính hồng, lông khuôn trong hai mái tóc hoe-hoe đỏ, lãn-hoãn, xoa xuống vai; thêm tay chơn hổ nhẵn, thân mình đều-dặn; nếu em ở vào một gia đình giàu có thì chắc hẳn là hột ngọc quý trên tay cha mẹ. Nhưng sanh vào nhà em, mới sáu tuổi, em đã làm rất nhiều công việc nhà, thay vì được đi học.

— Tưng ơi, em đâu rồi?

— Em rửa sa-kê chị à.

Tôi chạy ra sau. Hàng chục trái sa-kê bằng cườm chẹn, xanh leo-lẻo, non ẻo, đã được xé hai ra và sắp vào một cái nồi to tướng.

— Nồi lớn như vậy, làm sao em bưng nổi? Rồi chưa, chỉ đem về cho.

— Dạ rồi.

Bắc nồi lên bếp xong, tôi kéo Tưng vào lòng, hỏi:

NGUYỄN-VĂN-TÔN

TẠI TRÀ-ÔN, (CANTHO)

MỪNG bốn Tết là ngày lễ của quan Thống-chế Nguyễn-văn-Tôn, một khai quốc công-thần của nhà Nguyễn.

Y như bài « Đi tìm dấu người xưa » của ông Khuông-Việt đăng vào N.K.T.B. số 28; miêu của cụ ở cách chợ Trà-ôn độ 2 cây số, vừa được sửa sang tu bổ lại, nhờ sự khuyến-kích và sốt-sắng của quan Đốc-phủ chủ quản Trà-ôn và Hương-chức làng Thiện-mỹ. Miếu và mộ sơn phết đẹp trang hoàng, ở trong vòng một bức tường mới cất, pha kiểu kiến-trúc xưa, trông tăng thêm vẻ đẹp và kính cần.

Sáng hôm ấy, quan Đốc-phủ Chủ quản Lê-tấn-Nam cùng các vị hương-chức làng Thiện-mỹ đều thành tâm thi hành việc cúng tế. Từ khuya đến trưa, đông-dập lừng lập người nghèo, già, nãi-Nam, nào Khách, nào Thổ, nghiêm trang tụ họp mà lễ bái cụ.

Vọng tưởng tới cụ, đoàn Thanh-niên cầm trại Trà-ôn đến viếng miếu, tỏ ra tấm lòng tinh thành của đoàn thiếu-niên hậu tấn, đối với một đấng anh hùng xưa.

Sau khi cúng xong, thầy giáo Đỗ-văn-Của, trong đoàn Thanh-niên cầm trại, đứng nhắc nhở lại sự nghiệp và công-cần của cụ.

Cụ Nguyễn-văn-Tôn là người Cao-miền, hồi nhỏ tên Duyên, gốc ở Trà-vinh, gặp loạn Tây-sơn cụ theo giúp chúa Nguyễn.

Năm Giáp-thìn (1784) cụ phò Cao-Hoàng (Nguyễn-Anh) qua Vọng-các (Xiêm), lúc ấy làm Cai-đội.

Năm Đinh-vị (1787), mùa thu, ở Xiêm về với Cao-Hoàng, cụ theo đạo binh Lê-văn-Quân đánh phá đồn Ba-lai của giặc, rồi phụng mạng qua vùng Trà-vinh. Mãn-thất mà chưa tập người Miến được mấy ngàn, tập làm quân lính, và lập đồn kêu là Xiêm binh-đồn, do cụ thống-quản. Vì cụ không có họ nên Cao-Hoàng niệm công từ tánh, kêu cụ là Nguyễn-văn-Tôn.

Năm Kỷ-vị (1799), cụ ở theo đạo binh Võ-lãnh trấn thủ thành Bình-định.

Năm Tân-lậu (1801) giặc công hãm thành bắt được cụ, lại dạy cụ phải cầm binh trở lại đánh với binh trong thành. Cụ nỗ lực đánh, binh giặc kêu gọi cụ không thêm kẻ. Giặc thấy vậy mới tin, để cụ thông-thả, nên trở về được. Có người hỏi cụ tại sao trở lại đánh với binh của mình dữ vậy. Cụ nói phải làm như vậy trước giặc mới tin và cụ mới đem toàn sự mà trở về được. Ai nghe như vậy cũng khen cụ có trí.

Năm Gia-Long nguyên-niên, cụ thăng chức Cai-cơ. Qua mùa đông vua cho cụ dẫn bốn bộ Miến binh trở về xứ an nghỉ và dạy cụ lãnh giữ đồn Trà-ôn thuộc Trấn-giang, lại kiêm giữ hai phủ Trà-vinh và Mãn-thất ở về Vinh-trấn-định.

Năm Gia-Long thứ 7 (1808) cụ được triệu về Kinh-hộ thượng. Năm thứ 9 (1810) vua cải-binh của cụ mà kêu là Oai-viên-đồn, song để cụ quản suất như cũ. Năm thứ 10 (1811) cụ về kinh sửa và thăng chức Thống-chế, cùng lãnh giữ Oai-viên-đồn. Chừng về vua ban cho cụ 10 lượng vàng, 30 lượng bạc, 200 quan tiền, và một bộ đại-triều phục. Kế cụ được lệnh đem một ngàn binh lên Nam-vang giúp việc bảo-hộ. Năm thứ 18 (1819) cụ đốc binh dân đạo kinh Vinh-ê, tiếp sức với cụ Đô-thống Nguyễn-văn-Thoại, lúc ấy trấn thủ Vinh-hạnh-rân và bảo-hộ Cao-miền.

Minh-Mạng nguyên-niên (1820) cụ bệnh mà mất nhằm ngày mùng 3 Tết. Triều đình có ban giỗ vải và tiền, dạy quan đến lễ và cấp mộ phủ 7 tề. Năm Minh-Mạng thứ 8 (1827) vua truy tặng cụ chức Thống-Chế.

— Không có chi rồi em làm sao ?

Đưa bé nhìn tôi, nhoeo miệng cười :

— Thi em đem nồi bắc bếp, sắp sa-kê rồi mới dề nước vô.

Tôi nhìn nó, kinh-ngạc ; tôi không ngờ nó khôn đến thế ; công việc làm đã bắt nó lo liệu suy tính.

— Thôi chị về nghe em. Chiều chị lại xuống chơi.

Tôi đứng dậy cười với nó rồi ra về.

L. C.

(1) Rút ở tập « Ký ức ngày xưa », mới xuất bản.
(2) Ông bà thơ cái muốn đặt theo tên tập thơ bình-dân « Thơ-hành-Châu-Tiến ». Chắc có một đứa con gái sinh sau tháng Khưa và trước con « Tung », nhưng đã chết non.

◆◆◆ THI-VĂN ◆◆◆

Hận-tình một thuở

(Sonnet d'Arvers)

Lời nói đầu. — Bài thơ tình bất-hủ này làm nổi danh tác giả nó: Alexis Félix Arvers (1806-1850) một nhà thi-sĩ và nhà viết kịch Pháp. Nó cứu chàng khỏi sự lãng quên và thường được gọi là : bài thơ Arvers. « Nàng » trong thơ vốn là bà Menressier (tên con gái : Marie-Nodier) con của Charles Nodier (1783-1844) chủ khách tỉnh Arsenal, nơi hội-hiệp các đề-từ — mà Arvers là một — của phái lãng-mạn trong buổi ban đầu.

Nguyễn văn :

Mon âme a son secret, ma vie a son mystère,
Un amour-éternel en un moment conçu :
Le mal est sans espoir, aussi j'ai dû le taire,
Et celle qui l'a fait n'en a jamais su.
Hélas ! j'aurai passé près d'elle inaperçu,
Toujours à ses côtés et pourtant solitaire,
Et j'aurai jusqu'au bout fait mon temps sur
la terre,
N'osant rien demander et n'ayant rien reçu.
Pour Elle, quoique Dieu l'ait faite douce et tendre,
Elle ira son chemin, distraite et sans entendre,
Le murmure d'amour-élevé sous ses pas.
A l'austère devoir pieusement fidèle,
Elle dira, lisant ces vers tout remplis d'Elle :
« Quelle est donc cette femme » ? et ne comprendra pas.

Bài dịch :

Hồn tôi có một chỗ riêng,
Đời tôi, tôi giữ một phiên, đời tôi...
Tôi yêu, tôi lẽ « ừ » đời,
Nhưng yêu chỉ để... thi thối, một mình.
Gần ai, ai thấu chăng tình ?
Gần ai, ai thấy bóng mình chẳng ai ?
Đời tôi, lặng lẽ, trôi, trôi...
Đám đàn môi hé, mong gì rồi ai...
Đâu ai, ân-yếm, nhu-mi.
Đường ai, ai cứ bước đi, hững-hờ...
Ai đi, và vẫn thờ-ơ,
Thờ dài nhẹ-nhẹ (ấy), thờ-thờ (ai có) nghe
chẳng ?
Giờ đây người vợ hoàn-toàn,
Xem thơ, nào biết là nàng-chợ-dầu,
Xem xong, nàng « ừ » lắc đầu :
« Người này ai há ? ai đâu vậy cả ? » (1)

Zá-Học và Trầm-nguyên dịch

Lời phụ — « Nàng » vẫn im-lặng, nhưng đôi nhà thi-sĩ hiện-dại có họa trã lời Arvers-Louis Aigoin, đứng vào địa-vị người đàn-bà đã hiểu, nhưng vẫn tưng-thành với bốn-phần, nhân-nhữ :
Celle qui veut rester à son devoir fidèle
S'est émue en lisant ces vers tout remplis d'Elle,
Elle avait bien compris, mais ne le disait pas.

Dịch :

Giờ đây, là đã đàn-bà,
Xem thơ, mở mắt, nhưng mà mím môi,
Zh. và Trng.

Đêm trăng thôn-quê

Gió đã theo trăng thoáng-thoảng lên,
Bên bờ cây cỏ đứng triền-miên.
Ánh đèn đã sáng trong nhà thấp,
Có bóng người đi dưới mái hiên.
Quanh-quần bên đèn, lũ trẻ thơ,
Ngang nhìn người mẹ xới cơm, chờ !
Chồng về, quần áo bùn lem-lấm,
Vui vẻ bỗng con hồn thất-trở.
Bên cạnh chuông trâu, cạnh ổ rơm,
Mục-dông thơ-thời xới nổi cơm,
Khói xanh vẩn tỏa, đàn trâu ốm,
Sưởi khói mồm nhớ, ngày mất dóm,
Đáy có ba người đập lúa tay,
Mình trần, da sạm lấm bở-hôi,
Rào rào mưa đổ trong khuya vắng,
Từng hạt vàng rơi mặt đất dày,
Có tiếng chày ba nhịp ánh trăng,
Tiếng hồ từng lúc gió đưa sang,
Trái làng thăm tưởng ba cô gái,
Má thắm, môi duyên, đẹp đ'u-dang.
Ở cuối thôn vang ngọt tiếng mời :
« Hãy chẻ cháo nóng, có ai xơi ? »
Hỏi chàng, trai trẻ nào-nào dạ,
Vội chạy mau ra : « Cô lái ôi ! »
Bên bờ sông vắng, gió giăng mờ,
Nguyệt then, tay che nửa mặt hoa,
Phấn nửa sáng soi, phấn nửa gấu,
Mình trần, gái nõn tấm trắng khuya
Sương hồng trưng lên nét áo-huyền,
Cả làng chìm xuống ngủ trong êm,
Một hoa hoang nở trong vườn vắng,
Điện nhác đồng quê nhẹ trôi lên.

BAM H. LAN

(1) Khái-Hung đã dịch bài này, đăng trong tập truyện ngắn « Anh phôi sống ».

ĐỘC GIẢ HẢO KỶ

Những câu trả lời bất hủ

Lịch sử còn nhắc lại những câu trả lời bất hủ của các danh-nhơn. Dưới đây một vài câu chuyện xưa:

Vua Léonidas xứ Lacédémone (cổ Hy-lạp), với 300 người Spartiates, giữ đèo Thermopyles, chống lại với một đạo binh lớn của Xerxes, vua Ba-Tư (Perse) qua xâm lấn. Không thể tưởng tượng một toán quân ít ỏi như thế có gan dám chặn đường cả đạo binh của mình, Xerxes viết cho Léonidas một bức thư có mấy chữ này: « Nhà người hãy dâng grooms giáo cho ta! » (Câu ấy nghĩa là: hàng đi!) Léonidas viết xuống dưới trả lời: « Người hãy lại đây mà lấy! »

Năm 1685, Hà-tước Lescaro, quốc-trưởng xứ Génes, dân-quốc, có việc quốc-sự, buộc phải qua Pháp yết kiến Louis XIV, mặc dầu luật pháp cấm quốc-trưởng ra khỏi xứ. Ở Versailles, người ta hỏi Hà-tước thấy gì lạ, ông trả lời: « Chỉ thấy có tôi ở Versailles là lạ. »

Thời đại cách mạng, hội đồng cứu tế quốc-gia (Salut Public) thường bắt kẻ linh-nghi phản quốc giao cho Tòa-án cách-mạng xử. Tòa án ấy thường không tha kẻ linh-nghi, dòng dõi qui phái và chỉ có một án tử-hình để xử tội-nhân mà thôi. Văn-sĩ Marfa nville bị bắt. Trước tòa án cách mạng, quan tòa buộc tội cứ gọi ông là de Marcinville mãi (ở Pháp tiếng « de » thêm vào trước tên, chỉ dòng dõi qui phái). Ông tức mình la lớn:

— Thưa quan tòa, tôi đến đây để người ta làm cho chết, chứ không phải để người ta kéo dài thêm ra!

Câu trả lời ý-vị và can đảm đó giúp ông khỏi tội tử-hình. Quan-tòa cũng là người đầy trí-khối-hài, bảo:

— Vậy thì hãy nói rộng ông ra và tuyên án tha bổng.

(H. H. thuật)

Mắt ong là một vị thuốc

Ngoài sự dùng mắt ong để ăn hoặc làm bánh, người ta còn dùng chế nhiều thứ thuốc chữa bệnh vì trong mắt ong có lắm chất bổ. Dem phân tích mắt ong thì thấy: 80 phần trăm chất đường, 8 phần trăm nước, còn 12 phần trăm chất gồm có chất dầu, chất sinh tố (vitamines) và vài thứ khoáng vật chất như sắt, lân, tinh.

Mắt ong bổ vô cùng và rất dễ tiêu hóa. Chừa người mang bệnh di-tiểu ra đường, ai dùng mắt ong cũng tốt. Mắt ong bổ gan, phổi, làm cho

nhuận-trương, thông đường tiêu-tiền và tẩy bớt mụn nhọt. Đau cổ thoa mắt ong cũng khỏi. Đôi khi dùng mắt ong chế thuốc xức cho mụn da, hiệu quả rất tốt. Mắt ong công dụng rất nhiều trong việc chữa bệnh và dễ được thiết lập không sợ meo mốc hư hỏng.

Dưới đây là một vài phương thuốc chế bằng mắt ong để trị các bệnh:

1° **Cầm, số muối**: Lấy một lít rượu chất trắng (vin blanc) nấu với 250 gr-ram mắt ong và một chút quế. Mỗi buổi tối, trước khi ngủ hãm thật nóng, uống một ly nhỏ.

2° **Phồng**: Hòa nửa mắt ong với nửa dầu ô-lu để thoa.

3° **Hen suyễn**: Hòa mắt ong với nước màu ong.

4° **Nổi da**: Trộn mấy chất sau đây để thoa: Cam du (glucérine) 100, borate de soude 12, mắt ong 25, dầu thơm 1,5.

BỘI-CHI phỏng dịch

Xuân đến, bạn nên đón đọc:

KỶ-ỨC NGÀY-XANH

Của cô: LIÊU-CHI

Một thiếu-nữ thuật lại thời trẻ dại mình một cách thành thật, hồn-nhiên, không tiên-thuyết-hoạ cũng không cố thi-vị-hoa nó. Anh và một bài thơ do nét bút tác-giả.

Bìa và giấy trắng và láng rất đẹp.

Giá 1\$50

Ai muốn sách có chữ ký tác-giả và gửi cách bảo-đảm đến tận nhà, xin gửi 1\$90 cho Ông NGUYỄN-TẤN-SĨ, 50-B Duranton, SAIGON.

Hiện buôn sách cần bao nhiêu đơn trước, sẽ gửi cách lãnh hàng giao ngân.

NHÀ XUẤT-BẢN « VĂN-NGHỆ »

Sẽ xuất bản ngay sau Tết:

SÁNG-TẠO

gồm những truyện và bài chọn lựa của: CÔ LIÊU-CHI, CÔ LÊ-HỒ VITA, THÀNH-KINH, SƠN-KHANH, DƯƠNG-TỬ-GIANG, ZAHAC, TRINHNGUÏEN

VƯỜN VẪN ĐẠO BU'ỚC TRONG LÚC XUÂN VỀ

Xuân về hoa nở gió chào,

Chào quân-tử khách, nữ-tao-nhã tình.

Trước cái quang-cảnh tươi cười và trong sạch ấy, tâm-hồn thanh-xuân hăng-hái nảy chằng khỏi phôi động hưng-khuàng. Không thể đứng chân-ngần, hay ngồi gục-gật được, tôi phải đi tới, đi tìm vườn văn đang xem coi trót một năm dài đặng-đặng, công vun phân tưới nước của hàng tri-thức đã kết-quả thế nào, vườn văn Nam-kỳ hôm nay đã được bao nhiêu những hoa thơm trái ngọt.

Vừa bước qua khỏi cửa vườn, tôi lấy làm vui lòng mà được thấy sum-sê nhánh-lá, rực rỡ bông-hoa, vòng đỏ chen lộn với mai vàng, sắc đẹp nữ-nhi lấp-ló bên cội tùng nam-tử. Đưa chơn nhẹ bước, tôi dạo xem từng chỗ, mắt rất khỏe, lòng rất vui.

Hội-học thì có « Xuân Tây-Đô », là tập kỷ yếu của hội Khuyến-học Cánh-tho, kêu gọi:

« Hội chị em ơi! mau tiến tới.

« Đường xuân lệ bước kìa tàn xuân ».

Nhà xuất-bản thì có tập « Xuân » của Nam-Xuyên-tho-quán làm lễ ra mắt các bạn văn-nhơn.

Tập-chỉ bản nguyệt thi có ĐẠI-VIỆT TẬP-CHỈ dùng chữ Phước cho đồng-bào với câu chúc:

« Thanh xuân rải khắp sơn hà,

Tri tài phát đạt, quốc gia thanh cường ».

Báo hằng tuần thì có:

NAM-KỶ TUẦN-BÁO « hải-huỳnh mai nghinh tiếp Trương-lai »;

THANH NIÊN mời các bạn « đốt hương lòng đón Tết »;

TÔNG-XÁ-BÁO treo tranh tưng lộc nghinh tiếp tàn Xuân.

Báo hằng ngày thì có:

SAIGON nhưn « một vùng hoa cỏ đầy thơ mộng » cho nên « thiếu-nữ đưa duyên mìn miệng cười ».

ĐIỀN-TÍN nghinh tiếp « Xuân Mê-Ly » với giọng tiêu-thầm-trầm, giữa cảnh trời quanh-hiu-âm-đam.

DÂN-BÁO cho người chi đất em dạo chơi dưới cội bích-đào, để tung hô « Vui-vẻ mà tấn-thủ ».

Về sách xuân thì Liễu-Chi nữ-sĩ có tặng chị em một đóa hoa xuân « Kỷ ỨC NGÀY XANH » gồm cả thi và ảnh.

Mà Tri-Tân, Đan-Bà và Trung-Bắc, là những tuần báo Bắc-hà, không quên bạn-hào-văn Sài-Thành, nên cũng có gửi bản những số báo xuân như thường lệ.

Đã có lên đạo chơi trong vườn văn Việt-Nam hồi tiết xuân năm ngoái, hôm nay tôi rất hớn-hở vui mừng mà nhận thấy những thức hoa rực-rỡ mà vô hương, những trái tốt-tươi mà đắng nghét, đã tiêu tan gần hết, nhường chỗ cho quả ngọt hóa thơm.

Tuy tôi chẳng phải là nhà phê-bình văn-chương, nhưng mà sau khi dạo xem vườn văn Việt-Nam năm nay rồi, tôi dám mạnh-dạn mà hô lớn trước mọi người:

Văn-học của ta đã tấn-bộ, tấn-bộ một khoảng rất dài, tấn-bộ cả hình-thức và tinh-thần, tấn-bộ từ tao-nhã bề ngoài tới đạo-đức bề trong. Các bạn trong làng văn nên tiếp mà vun-phân tưới nước thêm nữa, phải cố gắng tấn-tới, tấn-tới luôn luôn, đừng thối chí mỗi lòng, mặc dầu tiếng gay-gắt chê bai, mặc dầu tiền-đồ quanh-co trắc trở, nên cho những tiếng chê cũng như những tiếng khen, đều là lời khuyến-khích, an-ủi, mà thôi.

Công phu càng dài,

Âm đức càng nặng.

Bền lòng cố-gắng,

Vững chí tài-bồi,

Đặng khởi hữ với tiền-nhơn.

Đề mở đường chó hậu-tần.

THỨ-TIÊN.

RỢI KIẾN (Rayon X)

Phôi, tim, bao-tử, ruột...

ở CANTHO

Docfeur: LÉ-VAN-NGON

NHỮNG NĂM THÂN

(Tiếp theo trang 6)

1848 (Mậu-Thân) : Vua Dục-Tôn mới lên ngôi, có ra dự cấm đạo, và đây mấy thầy tu đi những nơi khác, rùng rợn nước đợc.

1860 (Canh-Thân) : Tháng bảy, ông Nguyễn-tri-Phương khởi hành vào Nam-kỳ. Vua Hàm-Phong bên Tàu phải nhận những điều hoà ước làm tại Thiên-Tân.

1872 (Nhâm-Thân) : Tháng bảy, triều đình lại sai ông Nguyễn-tri-Phương làm Tuyên-sát đồng-sứ đại thần ra thay mặt vua xem xét việc đánh giặc ở Bắc-kỳ. Thời bấy giờ việc nước trong ngoài rối như tơ. Cũng vào năm này, tức Tỵ-Đức thứ 25, thuyền của Đờ-phổ-Nghĩa đi qua những đôn của quan ta, và quân Cơ-Vàng, Cơ-Đen đều vô sự.

1884 (Giáp-Thân) : Mồng 6 tháng giêng, vua Kiến-Phúc thọ bệnh mất, ngài trị vì vừa đúng được 6 năm, miếu hiệu là Giản-tôn Nghị-hoàng-Đế. Qua ngày 16 tháng giêng, thống tướng Millot sang nhận chức. Thiếu tướng Courbet được thăng lên hải-quân trung-tướng. Ngày 18 tháng 4, tờ hoà ước giữa Fournier của Pháp và Lý-hồng-Chương của Trung-hoa ký xong ở Thiên-Tân. Tháng 9, hai ông Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết đem ông Dục-Đức giam vào nhà lồng, không cho ăn uống để chết đói, đồ mưu cho tội thông mưu với giặc. Qua tháng 10, quân Cơ-Đen của Lưu-vĩnh-Phúc kéo về đóng gần phủ Yên-bình và phủ Đoan-hung. Tháng 11, Lưu-vĩnh-Phúc tiến quân. Ngày 15 tháng chạp vây thành Tuyên-Quang.

1896 (Bính-Thân) : Giặc Phan-dình-Phùng đánh từ năm Quý-tị (1893) đến nay chưa xong.

Tài liệu lấy ở Việt-Nam
Sử lược của Trần-trọng-Kim,
AN-PHONG.

ĐẶNG CÔNG THẮNG

Dạy riêng tiếng-Âng-lê và Nhật-bổn
14 năm kinh-nghiệm

97, rue de Cáy-Mai Choquan-Cholon

CHÂN CHÍNH ĐẠI-VIỆT TẬP-CHÍ

Đại-Việt Tập-Chí ra đời đã được một năm rưỡi rồi. Các bạn đồng chí xa gần đều coi đó là một cơ quan Văn-học cần thiết của đồng bào trong buổi này nên tận tâm tận trợ làm cho mặc dầu hình thức chưa được đẹp để như ý chúng tôi muốn, nhưng mà tinh thần vẫn đã lên cao. Sức tán trợ của đồng chí với sự hoan nghinh của độc-giả khiến chúng tôi thêm hân hái với nhiệm vụ, hằng lo toà điếm canh cải tiến thủ, để tiếp tay cùng bực tri thức, mà xây nền văn-học của nước nhà. Với kinh nghiệm mười mấy tháng nay, chúng tôi nhận thấy hình thức của Đại-Việt Tập-Chí, hiện thời khó giúp cho những nhà khảo cứu, dịch thuật, nghị luận, thi văn, tiểu thuyết, soạn kịch, phóng sự, phát triển tài nghệ cho đặc lực, để giúp đại văn-học thêm cao.

Vậy chúng tôi định chấn chỉnh lại. Bắt đầu tháng Mars này Đại-Việt Tập-Chí cũng vẫn xuất bản mỗi tháng hai kỳ như cũ, nhưng số trang không như định. Những bài khảo cứu, hay dịch thuật, hay nghị luận, hay phóng sự, thì đăng tất một lần mà thôi, duy tiểu-thuyết hay kịch bèn nào dài quá mới phân ra mà đăng nhiều lần, nhưng mỗi lần ít lắm cũng trọn một đoạn. Ấy vậy mỗi số Đại-Việt Tập-Chí sẽ như một quyển sách dài hay mỏng tùy bài đăng trong đó dài hay ngắn, làm thế này thì văn nhơn mới tiện xuất bản tác phẩm của mình và người mua Đại-Việt Tập-Chí, mỗi năm sẽ được 24 quyển văn học. Giá bán trọn năm của Đại-Việt Tập-Chí, chúng tôi đề ý như cũ nghĩa là 9\$ còn giá bán từ số lẻ thì không như định, trời sụt tụt số trang nhiều hay ít. Mua trọn một năm được tiện lợi hơn.

Tòa-soan
ĐẠI-VIỆT TẬP-CHÍ.



(Tiếp theo)

ANH nói mỗi năm đóng nội tiền trường đã trên 200 rồi, còn phải tốn tiền bánh hàng quần áo nữa. Mà phải tốn như vậy đến 4 năm, ảnh không thể chịu nổi. Di giận di nói mà con hỏi sanh tiền làm cực khổ mà sắm nhà cửa ruộng đất để lại cho con. Số lúa cho mượn ruộng mỗi năm góp trên 2 ngàn giạ. Vậy phải trừ ra ít-t.ăm giạ mà cho con học, chớ sợ tốn đi bắt con phải ở nhà chịu đói, còn huê-lợi của mẹ nó thì để cho má thặng Sen thua từ sắc, làm như vậy không sợ thiên-hạ kêu rêu hay sao. Con thấy hôn ? Di dám nói lần, di có sợ đâu. Tiền bạc của vợ trước để lại, mà không cho con hưởng, lại đem dựng cho vợ sưu bài bạc, đàn-ông ăn ở như vậy coi sao được.

- Di nói như vậy rồi cha con trả lời làm sao?
- Tội nghiệp quá, con... Anh Bồi ảnh khóc.
- Sao vậy, di ?

- Ảnh khóc rồi tỏ hết việc nhà cho di nghe, vì ảnh biết di là chị em thiết của má con hỏi trước, nếu ảnh không giấu-diếm chi hết, Ảnh nói: hỏi má con mất thì có nhà cửa từ-g, lại có ruộng đất nữa. Chôn cất má con rồi, trong nhà còn dư bạc mặt gần một ngàn. Vì ảnh buồn mới tha đi đánh bạc, đá gá, mỗi năm thua một chút, vì thua nên huê-lợi ruộng không đủ xây dựng trong nhà ảnh phải vay mượn thêm, nhiều năm thành mắc nợ. Hôm tháng 2 rồi đây ảnh đã cho mượn hết ruộng trong Suối-Cạn, cho mượn luôn 3 ăm, cho mượn lấy bạc mặt mà trả nợ. Từ đây cho tới 3 mùa lúa nữa, ảnh không được thâu góp một hột nào hết. Ảnh phải bài bạc dạy mợ kiếm tiền nuôi sống vợ con mỗi bữa, mà sợ kiếm không đủ, thế thì làm sao cho có tiền mà nuôi con ăn học. Ảnh than như vậy, rồi chắc ảnh

ăn-năn, nên ảnh khóc dữ quá. Thấy vậy di không nỡ trách ảnh nữa, mà di còn phải an-ủi cho ảnh bớt buồn. Bài bạc hại như vậy đó, không biết tại sao mà người ta lại mê quá.

Qui gác đầu ngồi suy nghĩ, không nói chi hết.

Di Ba và nhai trầu và nói tiếp : « Mấy năm nay di có nghe anh Bồi mắc nợ, họ nói nợ đến bạc ngàn chớ không phải ít. Mà di không đề mắc nợ đến đời phải nợ ruộng. Mấy bữa nay di hỏi dò, thì thiệt quả ruộng đất ảnh đã cho Sáu Thị mượn bạc mặt 3 năm, tờ cho mượn ruộng có lằng lị nhận chặc-chần. Ấy vậy ảnh không cho con đi học nữa được là tại gia-tư bần chết, chớ không phải tại ảnh nghe lời ai hay là ghét bỏ con. Không nuôi con ăn học được, ảnh buồn lắm, buồn thiệt da con. Con chớ nghĩ nên phiền ảnh mà lỗi đạo cha con ».

Qui gác đầu đáp :

- Có lẽ thầy con cũng biết cha con nghèo rồi, nên bữa hôm cũng an-ủi con đừng phiền.

- Coi lừng-lừng như vậy đó, mà nguy rồi da con. Di nghĩ lại di giận lắm. Hồi cuối má con về, thì làm giàu xán-xán, năm nào cũng mua thêm ruộng đất, trong nhà phát đạt quá. Mà con mất rồi cũng chưa sao, chớ cưỡi ngựa thắng Sen đó mới bắt đầu suy sụp. Có con trai con gái đủ rồi, còn ức hiếp gì nữa mà chấp nổi. Mà nếu muốn kiếm người nội trợ, thì ta lựa cho xứng đôi vừa lứa, kén người là mần, cưỡi chỉ thử con nít, ăn nợ rồi chỉ biết đánh bài chớ không biết làm việc chi khác, cưỡi vợ như vậy không tàn mặt sao được !

Qui vụt đứng dậy và nói xán-xóm : « Cha con nghèo rồi, không thể lo cho con được nữa ; mà con cũng không muốn cho cha con phải nhọc lòng vì con. Con phải lo lập thân danh cho con. Dầu nên dầu hư con phải cho trời đất định ».

Di Ba ngó sừng Qui, có lẽ nghe mấy lời ấy đi động lòng, nên đi than: «Tội nghiệp, con nhỏ quá! Bộ cứng-cỏi giống má nó dữ!»

Qui bước ra ngoài sân đi lên đi xuống, dường như máu chảy rần mình, cần phải vận động, không ngồi hay là đứng yên một chỗ được.

Di Ba muốn để cho trí Qui yên tĩnh, nên đi đi vô bếp phụ với Hương nấu ăn.

Cơm đã chín rồi, cả canh kho nấu cũng đã xong, Hương bước ra trước quét ván sửa soạn dọn cơm. Thấy Qui đi thơ-thần trước sân, Hương kêu mà nói: «Aoh Qui, vô phụ với em bưng mâm cơm lên ăn, anh».

Qui đứng suy nghĩ, thỉnh-linh nghe lên thì dụt mình, dấy vô thấy Hương vui-vẻ ngó mình mà cười, thì cười theo, cái cười biểu lộ tâm-hồn bình tĩnh, chứ không phải cái cười giấu-diếm trí ý nào-về buồn tủi. Qui trở vô nhà phụ với Hương mà dọn cơm, rồi ngồi ăn với mẹ con di Ba, tuy không vui-vẻ như trước được, song cũng không ưu sầu như hồi nãy.

Ăn cơm rồi, di Ba theo thói quen nên nằm tại bộ ván trước mà nghỉ trưa. Hương nói với mẹ để ra sau vườn đánh lá mía, rồi rủ Qui đi theo coi mình làm vườn. Hương lấy hai cái nón lá buồng, mình đội một cái, đưa cho Qui đội một cái, rồi biểu Qui đi theo. Có lẽ Qui đã nghĩ nếu không học chữ nữa được thì phải học nghề, bởi vậy Qui hăng-hái đội nón đi theo Hương ra vườn mía, không dự-dự, không á-ngại chút nào hết.

Trời trưa mà ui-ui, chớ không nắng. Lại ngọn gió nam phay-phay thổi làm cho không khí mát mẻ chớ không nóng-nực.

Một đám mía lấy tươi tốt, ngọn lên cao khỏi đầu, có nhiều cây đã bay dưới gốc hai ba lông văng khê, bị gió thổi ngang làm những lá cong vòng phải oặc oặc oai.

Hương chỉ mấy lá mía già hoặc khô cho Qui coi và cắt nghĩa tại sao phải lột mà phủ gốc, rồi bắt đầu làm việc để dạy Qui cách thiết hành. Hai bàn tay Hương, da trắng trong, ngón địn-nhũ, lột lá mía coi thiết đẹp. Qui coi rồi bắt chước làm theo. Hai trẻ ở trong đám mía, tiếng cười giọng nói vui-vẻ của Hương lẫn lẫn cảm nhiệm, lời cuốn, bao trùm cả tâm-hồn Qui, làm cho Qui quên hết nỗi thất vọng mới qua, mà mạnh dạn nhìn đường tầu-thủ sẽ đến, rồi cũng hăng-hái tươi cười như bạn.

VI

Con người (ấp con thất lộ, ngó tương lai bị-bàng mù-mịt, thường hay tránh hội hiệp, piêng-luận đàm, ưa tìm chỗ vắng-vẻ để tĩnh trí-hồi-lòng, rồi liệu thế-lực bản-năng mà sắp bước đường lần-thứ.

Qui tuy nhờ có di Ba Thời an ủi, và nhờ có Hương tươi tốt yêu thương, nên tạm quên được vết thương-tâm, nhưng trong trí vẫn ngấm-ngấm á-ngại về tương-lai chưa quyết định. Vì lẽ ấy mà đương vui với Hương trong đám mía, theo trai thường thì lo câu cho cảnh vui ấy kéo dài đến trăm năm, còn Qui mới vui có một hồi rồi lại đòi đi về. Hương phải làm giận làm hờn mới cấm Qui ở lại được.

(Còn nữa)

PHƯƠNG THUỐC HO-LAO

Tôi có 1 phương thuốc trị bệnh ho lao của ông bà để lại hay quá. Xưa nay chỉ để giúp người ở thôn lán. Nó trị bệnh nhẹ thì mau lành, còn bệnh thiết-nặng như tiếng tắc, mệt và nóng lạnh liên-miên, tôi cho uống thì chỉ bớt trong một lúc, không hết; chớ còn bệnh ho chưa thiết-nặng như nói trên và những chứng ho thường như: ho ra máu, ho khan, ho đàm, ho phong-vấn... vân... thì uống mau lành lắm. Con người bị tẻ bị đánh động phổi tức ngực thì uống càng mau hơn. Có nhiều người dùng thấy hay, khuyến khích tôi làm ra bán khắp nơi cho ai cũng dùng được; nhưng vì phương thuốc này mắc quá nên tôi không muốn. Nay người ta khuyến khích quá và tôi nghĩ lại có nhiều bệnh tổn bạc-ngân mà không hết thì thuốc này sánh cũng không mắc gì, nên tôi làm ra và chia nhảm mỗi ve uống một tuần thì giá 14 \$ 00. Tùy bệnh, uống 1 hoặc 2 hay 3 tuần thì lành.

Dùng thuốc này rồi ngoài còn phải có cách kiêng cử và lựa chọn món ăn và phương pháp làm cho phổi mau tươi nhuận bệnh mới mau lành. (Tôi có chỉ rõ trong toa). Trong hộp có hai thứ thuốc uống: 1 thứ uống nhuận trường đười đàm trong phổi ra đại trường; 1 thứ bổ phổi trị ho. Vậy ai muốn mua, viết thư kể thật rõ bệnh, để: Gởi Monsieur NGUYỄN-VĂN-SÁNG, Ctre R (vụ Hương-giáo lạng Tân-Quốc) Boite postale n° 10 (CANTHO)

NOTA. — Thư gửi ông, quý bà! Số thuốc dự trữ cuối tháng chạp Anam thì hết. Bộ thuốc mới tinh phẩm mỗi ve mắc hơn trước 2\$60. tức là 14\$00. Vậy đầu năm Anam mới hộp ước 14\$00.



NI

NGƯỜI Kỵ, thuở nay chắc Bê-ha chưa nghe tên tên người là Colbert, viên Thợ-toàn của thần. Xin Bê-ha hãy dừng thử. Những chuyện mà Colbert đã tiên-liệu cho thần đều đã xảy ra y như vậy. Người thấy xa biểu rộng, biết người, biết vết, tri độ không bao giờ sai, thật là kỳ-tài trong thiên-hạ đó. Tâu Bê-ha, thần mừng ơn Bê-ha q a trọng, ngày nay thần tiên-dẫn Colbert để trả cái ơn đây ấy, cuối xin Bê-ha nhậm lời.

Nhà vua chưa nghe tiếng Colber, lại cũng không biết mặt, cho nên nghe Mazarin tiên-cử trong lòng bởi còn nghi-ngờ, định cho Tể-tướng mà hàm-hử gói-gắm thì bất-quả là trời-trần trong khi sắp chết đó thời, chớ chưa chắc Colbert là người đáng tin-dùng. Bởi vậy nhà vua về giọng đáp:

— Trẫm sẽ nạp lời khạh.

Tể-tướng ngã đầu xuống gối nói nhỏ:

— Tâu Bê-ha, thần xin từ-biệt... từ-biệt... Thần đã mệt ngất mà nẻo lên Thiên-đàng để châu Đức-Chúa-Trời còn xa-xuôi, cách-trở... Tâu Bê-ha, xin từ-biệt...

Nhà vua tra nước mắt. Ngài chào Tể-tướng rồi lật-đật trở lại hoàng-cung.

XLIX

Trọn đêm ấy, Tể-tướng vậy mà nhà vua cũng vậy, người chớ thoát-khỏi bên mé Bê-khò, người trông toai hưởng lự-đo, năm không nhắm mắt.

Một giờ sau khi ra khỏi phòng Mazarin, nhà vua hay rằng Tể-tướng đã phục-sức lại được đổi chửi bảo người nhà-mặc-quân-ác, đổi phẫn, chửi tặc và tỏ ý muốn rước Sĩ-thần các nước. Có lẽ ngài xem trường đời như trường hát, trước khi lắc hơi, trước khi

KIỆM-HIỆP TIỂU-THUYẾT do Thân-Văn Nguyễn-văn-Quy dịch truyện: Le Vicomte de Bragelonne của Alexandre DUMAS

(Tiếp theo)

hạ-màn, muốn diên-mãn chót trong võ-tướng của mình.

Lối nửa đêm, Mazarin bỗng mê-sảng. Trong khi còn tỉnh, ngài có xem tờ chúc-ngón lại mà ngài lại sợ người ta thừa-dịp ngài mờ-mê, sửa đổi-y-tư của ngài, chớ nên ngài bảo Colbert canh-phòng,

đi qua đi lại phía ngài.

Mỗi giờ, nhà vua đều có sai bà vú của ngài tới phòng Tể-tướng thăm-chứng, mới hay sau khi Mazarin tiếp các Sĩ-thần thì càng bình trở-nặng, hóa ra mê-sảng. Một giờ khuya, danh-y Guénaud cho ngài uống một thứ thuốc hồi-dương. Ngài uống vô rồi thì thở lại được tron; mười phút. Vừa tỉnh thì tức-khắc ngài truyền-lệnh rạo cho quân-thần và khắp trong kinh-đô hay. Nhà vua hay tin, giật mình, nghe dường như có mấy giọt mồ-hôi lạnh-rịn trên trán. Ngài đã-đo-n thấy cái ngày giải-enoát sắp tới, rồi bây giờ bỗng Tể-tướng hồi-dương, thì cái kiếp nó-lệ sẽ tới-lắm, và khó chịu hơn những lúc nào nữa-hết.

Song liền khi đó, cả g-bình lại trở và Mazarin đã môn hơi không còn thở-mạnh nữa. Ngài chỉ còn một chút sức thừa để nghe bài kinh cầu-hồn của Đức-cha mà thôi.

Nhà vua đi bách-bộ trong phòng, trong trí xôn-xao, vừa đi vừa đọc một xấp giấy mà ngài vừa lấy trong một cái tủ riêng của ngài.

Lối hai giờ khuya, nhà vua rất mệt-mệt vì đã thức trọn hai mươi bốn giờ rồi, không còn chốn-cư với con buồn-ngủ nữa, ngồi dựa ghế-mơ-mang chừng độ một giờ. Bốn giờ, bà vú của ngài bước vô phòng đánh thức ngài dậy. Nhà vua liền hỏi:

— Tể-tướng thế nào?

Bà vú chấp hai tay lại, tỏ vẻ thương-xót đáp:

- Tàu bệ-hạ, Tề-tướng đi tác hơi.
- Nhà vua vùng đứng dậy:
- Tề-tướng chết rồi à?
- Tàu bệ-hạ, chết rồi?
- Chắc không?
- Tàu bệ-hạ, chắc.
- Tin ấy chánh-thực chăng?
- Tàu bệ-hạ, chánh-thực.
- Tin ấy đã cho truyền ra dân-gian chưa?
- Tàu bệ-hạ, chưa.

- Vậy chớ ai nói với người rằng Tề-tướng chết?

- Tàu bệ-hạ, ông Colbert.
- Colbert nói mà có chắc không?
- Tàu bệ-hạ, chắc, bởi vì ông vừa ra khỏi phòng Tề-tướng đây, và trước đó chính ông đã cầm một cái kiến để ngay miệng Tề-tướng, coi Tề-tướng còn thở-chẳng?

- A!... Rồi bây giờ Colbert làm chi?

- Tàu bệ-hạ, ông ra khỏi phòng Tề-tướng rồi thì liền theo tới, và ngay bây giờ đang đại linh Bệ-hạ ở ngoài cửa cung.

Nhà vua nghe nói, lật-đặt bước lại mở cửa cung thì thấy Colbert đang đứng ở đó. Nhà vua thấy người mặc toan đồ đen thì giữ mình.

Colbert nghiêng mình thi lễ và bước tới trước mặt nhà vua. Nhà vua lại trở vào cung và ra dấu bảo Colbert theo vào.

Colbert vào cung rồi thì nhà vua bỡ ngỡ ra ngoài đóng cửa lại.

- Túc-hạ tên là Colbert phải chăng?
- Tàu bệ-hạ, kẻ hạ-thần tên bảo cho bệ-hạ hay rằng Tề-tướng đã nhắm mắt và vùng lịnh ngài chuyên-đại-lời từ-biệt của ngài cùng Bệ-hạ.

Nhà vua suy-nghĩ một chập, và chăm-chí nhìn Colbert, trong trí nhớ tới lời tối của Mazarin:

- Túc-hạ tên là Colbert phải chăng?
- Tàu bệ-hạ, phải.
- Theo lời Tề-tướng thì túc-hạ là bệ-tôi trung-lưu của Tề-tướng phải chăng?
- Tàu bệ-hạ, phải.
- Túc-hạ lại lãnh phần năm giữ nhiều chuyện kín của Tề-tướng, phải chăng?

- Tàu bệ-hạ, tất cả các chuyện kín của Tề-tướng, hạ-thần đều nắm giữ.

- Những hậu-bạn và bộ-thần của Tề-tướng đều là người yêu vì của trăm, vậy trăm sẽ thâu-nạp túc-hạ vào văn-phòng của trăm.

- Colbert nghiêng mình đáp lễ.
- Túc-hạ chuyên về tài-chánh phải chăng?
- Tàu bệ-hạ, phải.
- Tề-tướng dụng túc-hạ trong sở tiết-kiệm của ngài phải chăng?
- Tàu bệ-hạ, ngài đã cho tôi được cái vinh-diệu đó.

- Túc-hạ đã hết lòng giúp Tề-tướng, nhưng trăm tưởng chắc túc-hạ chưa có khi nào giúp cho nhà trăm?

- Tàu bệ-hạ, kẻ hạ-thần xin đờ lời bệ-hạ, vì chính hạ-thần đã có cái sáng-kiến bày cho Tề-tướng một chuyện tiết-kiệm làm cho mỗi năm dư được một số tiền ba trăm ngàn quan nhập vào kho của Bệ-hạ.

- Liệt-kiệm về chuyện chi?
- Tàu bệ-hạ, bệ-hạ có một trăm quân hậu Thụy-Si, xưa nay mặc áo có kết ren bạc. Hạ-thần dòm thấy từ ren bạc ấy mất tiền quá, mới xin với Tề-tướng cho thỡ ren mạ bạc vào, mới liệt-kiệm được ba trăm ngàn quan. Số tiền ấy có thể nuôi ăn một ngàn binh-sĩ trong nửa năm, có thể mua mười ngàn khẩu súng hoặc một chiếc chiến-thuyền.

- Đó là một sự liệt-kiệm rất phải chỗ. Quân-lính mà đeo ren bạc như các chư-hầu thì coi trái mắt quá! Túc-hạ chỉ xem-xét về một chuyện liệt-kiệm thôi sao?

(Còn nữa)



DO PHÒNG GI

Sauh nhức mỏi, đau lưng, tê bại, sưng, ngứa ngám, mề-dại, ghẻ lạc. Uống **TRÚ PHONG GIẢI ĐỘC HUON** của Nhà thuốc « HAY » Cánh-thơ. Uống ít nhuận trường, nhiều thì xỏ. Đàn bà sanh con có phòng đẹn ghẻ nuôi không đặng, uống dưới phong sau sanh con nuôi đặng. Mua lẻ từ 5 \$00 khỏi chịu tiền gởi. Giá: 1 \$80. Không ký thác. - Cần một chặp một Đại-lý.

Tổng Đại-lý: { Saigon: Antonco, 18 Gallieni }
 { Rạchgiá; Ngọc-Hiền }

Ân tứ phẩm hàm

Có nghị-định của quan Tổng-Thống Toàn-Quyền Đông-Pháp ngày 12 Janvier 1914, bằng thương:

Độc-Phủ-sứ hàm:

M. Hà-vân-Bừ, Phủ hàm, Cai-Tổng Long Hưng-Ihượng. (Chợ lớn).

Phủ hàm:

MM. Nguyễn-thành-Vinh, Huyện hàm, Lê-văn-Vê, Huyện hàm Tây Ninh, Nguyễn-văn-Nhơn, Huyện hàm Bểntre.

Huyện hàm:

MM. Phan-quang-Hiến, Điện-chủ Sadéc, Dương-văn-Lời, Nghị-viên địa-hạt Gò-công,

Trần-văn-Khải, Thông-phán Sở-đi-phủ Namkỳ,

Nguyễn-tấn-Lộ, Giáo-sư hồi hựu Sài-gòn, Nguyễn-quang-Lại, Thông-phán sở Bưu-điện Sài-gòn,

Lê-thiên-Phước Hộ-trưởng Sài-gòn, Lê-văn-Thới, Hương-cả Cánh-thơ,

Nuyễn-văn-Tô, Cai-tổng Bắc-liêu, Bài-đất-Nghi, Cựu Đại-Hương-cả Sadéc,

Nguyễn-văn-Bồn, Cai-tổng Vĩnh-long, Đinh-công-Hòa, Thông-phán sở Kiểm-lâm Namkỳ,

Huỳnh-công-Dan, Thông-phán sở Tạo-tác

Có nghị-định của quan Thống-đốc Nam-kỳ ngày 15 Janvier 1944, bằng thương:

Huyện hàm:

MM. Nguyễn-văn-Khá, Cai-Tổng hồi hựu B'ên-hòa,

Đào-văn-Đình, Cai-tổng Gò-công,

Lưu-thầy-Huân, Giáo-viên ngoại hạng Long-xuyên,

Nguyễn-văn-Thông, Thông-phán ngạch Cao-miền,

Phạm-văn-Lũy, Giáo-sư Thủ-dầu-một,

Bài-duy-Say, Cai-tổng Trà-vinh,

Nguyễn-văn-Phong, Giáo-sư Sài-gòn,

Đỗ-văn-Cao, Giáo-sư Cánh-thơ,

Lưu-văn-Mêo, Giáo-viên ngoại hạng Bểntre,

Trương-bá-Nhạn, Họa-sanh ngoại hạng sở Khám-đạt hồi hựu,

Lâm-văn-Sanh, Điều-dưỡng ngoại hạng Trà-vinh,

Trần-quang-Nghiêm, Thông-phán sở Kho-lạc,

Hồ-văn-Đạt, Thông-phán sở Bưu-điện Vĩnh-long,

Trần-văn-Bình, Giáo-sư ngạch Cao-miền,

Chúng tôi mong cho chú quý vị được thăng thưởng rất xứng đáng.



Agents Exclusifs: BOY-LANDRY



Maison LIÊN-HOA

May y-phục phụ-nữ và đồ Short trẻ em, nhiều kiểu rất đẹp, có chemises và áo bà-bà thêu.

Mme TRƯƠNG-CÔNG-MÙI
 N° 108-110 Lagrandière,
 gần chợ-mới Saigon
 Tél. 21.780

Savon VIÊT-NAM

Tốt nhất



Hàng giá, song chắc, tốt, đẹp bằng mười ghê xích-đụ

Ghế xếp hiệu

toàn bằng gỗ, bố tán thời, nhẹ nhàng, đem đi rất tiện.

Xưởng đóng: 149, Route Coloniale, M'it Giadinh

Đồ bán tại: Hàng Charner, J'Linh, Nguyễn-văn-Trần, và Bourbon Accueil, 15 Bd. Saintenoy, Cánh-thơ. Mua sỉ do: Ông-Minh.